

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày 11 - 6 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm 1987; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: 8., đội x, ấp y, xã TL, huyện D, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1989; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp z, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông K chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện D, tỉnh Bình Phước vào năm 2018. Việc chung sống, kết hôn là do ông bà hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, ông K không có trách nhiệm với gia đình. Từ đầu năm 2018 thì bà T và ông K sống ly thân với nhau. Vợ chồng bà không còn tôn trọng, yêu thương lẫn nhau. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà T và ông K có một con chung là Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 25/9/2018. Cháu T1 hiện nay đang ở với bà. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020, bị đơn ông Nguyễn Hồng K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K và bà T chung sống, có đăng ký kết hôn. Việc chung sống là do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sinh sống tại xã TL, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Cuộc sống vợ chồng ông không hạnh phúc do mâu thuẫn trong nội bộ gia đình. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông K và bà T có một con chung là Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 25/9/2018. Cháu T1 hiện nay đang ở với bà T. Ông đồng ý với yêu cầu của bà T về con chung, đồng ý để bà T nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà T và bị đơn ông K đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà T và ông K đều trình bày thống nhất cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Bà T yêu cầu ly hôn, ông K có ý kiến đồng ý ly hôn. Về con chung: Bị đơn ông K đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hữu T1 nên đề nghị giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hồng K và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn ông K hiện cư trú tại ấp 6, xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Cao Thị T và bị đơn ông Nguyễn Hồng K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Cao Thị T và bị đơn ông Nguyễn Hồng K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/6/2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 6.../2018 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Bà T và ông K đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn ông K thừa nhận vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không hòa giải đoàn tụ được nên ông đồng ý ly hôn với nguyên đơn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng K.

[3] Về con chung: Bà T và ông K có một con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 25/9/2018. Cháu T1 hiện nay đang sống cùng bà T. Cháu T1 hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông K đồng ý để bà T nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao cháu Nguyễn Hữu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng K về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.
2. Về hôn nhân: Bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng K.
3. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 25/9/2018 cho bà Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Cao Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Hồng K phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026547 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Chang